

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **515/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/9/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **A Vũ Bình**;

2. Ông **Đoàn Thanh B**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 417/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Hồng Thanh A**, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang.

2. Bi đơn: Anh **Cao Tấn B**, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Thanh A trình bày: Chị và anh B cưới nhau vào năm 2018 do tự nguyện tìm hiểu và có F ký kết hôn tại UBND xã D. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, anh B không phụ giúp gia đình, vợ chồng thường xuyên tranh cãi. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh B.

- Về con chung: có 01 con chung tên Cao Hoàng F, sinh ngày 20/11/2019 hiện con chung đang sống với chị A, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng đến khi con chung 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Cao Tấn B trình bày: Anh thống nhất với chị A về thời gian kết hôn. Về mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ, khó khăn nên anh không phụ giúp được gia đình vợ con, anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: có 01 con chung tên Cao Hoàng F, sinh ngày 20/11/2019 hiện con chung đang sống với chị A. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh đồng ý giao con chung cho chị A tiếp tục nuôi con chung, anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng đến khi con chung 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, anh Cao Tấn B không đồng ý ly hôn với chị A vì anh còn thương vợ, thương con. Nếu Tòa cho ly hôn anh yêu cầu được con chung là Cao Hoàng F, sinh năm 20/11/2019 anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi và nếu Tòa án xem xét cho chị A nuôi dưỡng con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ vào yêu cầu của chị Nguyễn Hồng Thanh A về việc tranh chấp “ly hôn” với anh Cao Tấn B có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang thuộc trường hợp được quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E.

Anh B và chị A tự nguyện tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, có F ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Tiền Giang. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Nay, chị A xin ly hôn với anh B nên được xem xét giải quyết theo quy định Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về hôn nhân: Qua lời trình bày của chị A, anh B, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị A và anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, cưới nhau do tự nguyện tìm hiểu và có F ký kết hôn tại UBND xã D, huyện E, Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn về kinh tế và càng ngày trầm trọng, anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay chị A thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh B. Ngày 21/9/2020 chị A có đơn xin vắng mặt và trình bày vẫn giữ y yêu cầu được ly hôn với anh B, Hội đồng xét xử xác định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B, chị A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị A là phù hợp với quy định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với lời trình bày của anh Cao Tấn B, anh cho rằng anh còn thương vợ, thương con nhưng trong quá trình ly thân và tại phiên tòa anh không đưa ra được phương án nào

để anh và chị A hàn gắn tính cảm vợ chồng, mâu thuẫn của anh chị thật sự trầm trọng do đó yêu cầu đoàn tụ của anh là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Chị Nguyễn Hồng Thanh A có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/9/2020. Xét thấy đơn xin vắng mặt của chị phù hợp với qui định của pháp luật do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị A.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Cao Hoàng F, sinh ngày 20/11/2019 hiện con chung đang sống với chị A. Xét thấy con chung còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên cần thiết phải giao con chung cho chị A nuôi dưỡng để cháu có cuộc sống ổn định, phát triển tốt.

Về cấp dưỡng: Chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh B tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, sự tự nguyện này là phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 2 Điều 217, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 80, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về áp dụng án phí, lệ phí.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng Thanh A.

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng Thanh A được ly hôn với anh Cao Tấn B.

[2] Về con chung: Giao 01 con chung tên Cao Hoàng F, sinh ngày 20/11/2019 cho chị Nguyễn Hồng Thanh A tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng: Ghi nhận việc anh B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 10/2020.

Anh Cao Tấn B được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Hồng Thanh A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004046 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong.

Anh Cao Tấn B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Chị Nguyễn Hồng Thanh A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh TG;
- VKSNDHCG-TG
- Chi cục THADSHCG;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng